**NỘI DUNG HỌC TẬP TRÊN INTERNET TUẦN 5-6**

**( Từ 17/02/2021- 28/02/2021)**

**MÔN: NGỮ VĂN 11**

**Tiết 85-86**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

***Hàn Mặc Tử***

**A .MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

Giúp HS:

* Cảm nhận vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên của thôn Vĩ Dạ - xứ Huế. Từ đó thấy được tâm cảnh của nhà thơ. Đó chính là nỗi buồn cô đơn về mối tình xa xăm, vô vọng, đầy uẩn khúc và tấm lòng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của nhà thơ.
* Nhận biết sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo tài hoa của một nhà thơ nổi tiếng trong phong trào thơ mới.

**B. NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

**1/ Tác giả:**

***a) Cuộc đời:*** (1912 - 1940)

- Tên khai sinh: Nguyễn Trọng Trí.

- Tên thánh: Phê - rô - Phan - Xi - Cô.

- Sinh tại: Đồng Hới (nay là Quảng Bình)

- Xuất thân trong một gia đối công giáo nghèo

- Sau khi học trung học, làm công chức ở Sở Đạc Điền - Bình Định, rồi vào Sài Gòn làm báo.

- Năm 1940 mất tại trại phong Ouy Hoà.

→ Cuộc đời Hàn Mặc Tử ngắn ngủi và bất hạnh.

***b. SNST:***

- Năm 14,15 tuổi, HMT nổi tiếng là thần đồng thơ ở Ouy Nhơn. Ông dùng nhiều bút danh: Phong Trần, Lệ Thanh, HMT (Hàn: bút; mặc: mực). Ban đầu sáng tạo theo thể thơ Đường luật, sau chuyển sang khuynh hướng thơ mới lãng mạn

→ HMT là hiện tượng thơ kì lạ vào bậc nhất của phong trào thơ mới.

- Thơ HMT đan xen những gì thân thuộc, thanh khiết, thiêng liêng nhất với những điều ghê rợn, ma quái, cuồng loạn nhất. Trăng, hoa, nhạc, hương... chen lẫn hồn, máu, yêu ma...

- ND: thể hiện 1 tình yêu đến đau đớn hưng về clsống trần thế.

- TP : Gái quê (1936); Thơ Điên (Đau thương-1938), Xuân như ý, Thượng thanh Khí, Cấm châu duyên, Duyên kì ngộ (kịch thơ - 1939) ; Quần tiên hội (1940),...

**2/ Bài thơ “Đây Thôn Vĩ Dạ”**

***a) Xuất Xứ:***

Bài thơ được gợi cảm hứng từ 1 tấm thiệp của Hoàng Thị Kim Cúc gửi cho HMT để động viên, an ủi khi bà nghe tin nhà thơ bị bệnh phong. Lúc đầu có tên “Ở đây thôn Vĩ Dạ” (1938) in trong tập “Đau thương”

***b) Bố cục:***

- Khổ 1: Cảnh vườn thôn Vĩ - nét đặc trưng của khung cảnh xứ Huế

- Khổ 2: Cảnh vừa thực vừa ảo hoà quyện, tâm trạng mong ngóng.

- Khổ 3: Cảm xúc mơ tưởng, hoài nghi.

***c) Chủ đề:***

Qua việc miêu tả bức tranh thiên nhiên thực ảo của thôn Vĩ - xứ Huế, nhà thơ đã bày tỏ tâm trạng buồn, hoài nghi, vô vọng thông ẩn chứa nỗi niềm khao khát được giao cảm với cuộc đời.

**II. ĐỌC - HIỂU:**

**1/ Khổ 1: Bức tranh thôn Vĩ - xứ Huế trong tâm tưởng của HMT**

- “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”

CHTT → gieo vần một loạt từ thanh bằng tạo giọng thơ trăm. Lời trách nhẹ nhàng, có ý mời mọc tha thiết, chân thành.

- “Nắng hàng cau - nắng mới lên - vườn - xanh như ngọc”: từ hình tượng, so sánh độc đáo → sự trơn trẻo, ấm áp, tràn đầy sức sống

- “mướt qua”: tính từ gợi cảm → khu vườn xanh tươi tốt, đẹp mơn mởn

- “Lá trúc - mặt chữ điền”: từ hình tượng, độc đáo, ấn tượng

→ vẻ đẹp kín đáo, phúc hậu đặc trưng của con người xứ Huế tạo nên cái thần của thôn Vĩ.

SK: Khung cảnh thôn Vĩ được miêu tả rất tươi đẹp, đơn sơ, ấn tượng, giàu sức sống và trữ tình → Nỗi nhớ cảnh và người thôn Vĩ.

**2/ Khổ 2: Hình ảnh bến sông trăng:**

- “Gió theo lối gió mây đường mây”: Từ hình tượng, điệp từ, sáng tạo mới lạ độc đáo → Từ ngữ không theo quy luật tự nhiên.

→ Sự chuyển động buồn tẻ, tản mạn: gió mây hững hờ bay mỗi thứ một đường: ngang trái, phi lý. Nhịp 4/3 → tách biệt 2 vế

Qua hình ảnh thiên nhiên không hòa hợp → tâm trạng của tác giả mặc cảm chia lìa, nguy cơ phải chia lìa cõi đời.

- “Dòng nước buồn thiu”: từ chỉ tâm trạng, NT nhân hóa → nhấn mạnh nỗi buồn trĩu nặng tâm tư.

Hình ảnh “Hoa bắp lay” → “lay”: động từ chỉ trạng thái động → Sự chuyển động nhẹ, khẽ khàng.

→ Nhấn mẫu tâm trạng không yên tĩnh của nhà thơ: nỗi buồn, cô đơn, mặc cảm.

- “Thuyền ai - bến sông trăng...? Có chở trăng...?"

Nhà thơ cảm thấy như mình đang bị bỏ rơi, bị quên lãng. Trong khoảnh khắc đơn côi ấy, dường như chỉ còn biết bám víu trông chờ vào trăng. Trăng là điểm tựa, là niềm an ủi duy nhất, nhà thơ đặt toàn bộ niềm hy vọng vào trăng, vào con thuyền chở trăng về kịp tối nay. Trong khổ thơ, chỉ có 1 mình trăng là đi ngược lại xu thế chảy đi đó để về với thi sĩ.

- Từ “kịp”: rất bình dị, nó hé mở cho người đọc về cảm nhận & tâm thế sống của HMT. Hiện tại ngắn ngủi, sống là chạy đua với thời gian, tranh thủ từng ngày, từng bước trong quỹ thời gian còn lại quá ít ỏi của số phận mình. HMT rất lo âu vì sự sống chẳng còn bao lâu

→ yêu cuộc sống.

XD cảm nhận về cái chết luôn chờ mỗi người ở cuối con đường, nên cần tranh thủ sống mà tận hưởng tối đa những hạnh phúc trần thế. Còn với HMT, cái chết đã cận kề, lưỡi hái của tử thần đã giơ lên rồi → Chữ “kịp” gợi nỗi xót thương sâu sắc ở người đọc.

- “Có ... nay?”: Câu hỏi tu từ → tâm trạng phấp phỏng, lo âu, khắc khoải trăn trở, thực và ảo hòa quyện, đan xen.

SK: Hình ảnh thơ độc đáo, thi vị, giàu sức gợi → tâm trạng hoài nghi, mong ngóng, thể hiện khát vọng muốn bộc lộ tâm sự hòa mình giao cảm với thiên nhiên và con người → yêu cuộc sống mãnh liệt.

**3/ Khổ 3: Tâm trạng của con người:**

- “Mơ - khách đường xa”: Điệp ngữ → Nhấn mạnh sự mong đợi tha thiết

 “xa” tính từ → người xưa thật xa xôi, tất cả trở thành vô vọng.

- “áo em trắng quá nhìn không ra” hoán dụ → màu áo tâm tưởng tràn đầy kỉ niệm xa xăm nhạt nhoà → xa cách.

- “Sương khói - mờ”: lớp từ đa nghĩa → nhấn mạnh sự nhạt nhòa - đấy cảm nhận mờ áo, khắc sâu tâm trạng khao khát hòa nhập với thiên nhiên, con người và cuộc sống

- “Ai (1) biết tình ai (2) có đậm đà?”:

 “ai” (1): chủ thể thi sĩ

 “ai” (2): khách đường xa (nghĩa hẹp), tình người trong cõi nhân gian → câu hỏi tu từ, điệp từ, đại từ phiếm chỉ “ai” → Nhấn mạnh tâm trạng mặc cảm, chứa nhiều uẩn khúc; không dám tin vào sự đậm đà của tình ai → một nỗi niềm hoài nghi, khắc khoải xót xa, mong chờ trong vô vọng. → HMT vẫn khao khát được sống, được giao cảm, được yêu thương, chia sẻ đau buồn.

**4/ Nghệ thuật:**

- Phong cách thơ HMT: Mạch cảm xúc dào dạt, xuyên suốt bài thơ. Dù ba khổ thơ liên kết với nhau không phải theo tính liên tục của thời gian và tính duy nhất của. không gian. Bắt đầu là cảnh thôn Vĩ rồi chuyển sang cảnh sông Hương, thuyền chở trăng gợi liên tưởng thực - ảo đan xen → lãng mạn, độc đáo

- Ngôn từ thơ có thiên hướng mô tả ở mức cực điểm → trữ tình

**III. KẾT LUẬN:**

- Hàn Mặc Tử là một nhà thơ có cuộc đời riêng nhiều bi thương nhưng ông đã gắng vượt qua với nghị lực phi thường và luôn hòa nhập mình giao cảm với cuộc sống.

- Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bức tranh đẹp miêu tả cảnh vừa thực vừa ảo đan xen, tạo nên nét đặc sắc độc đáo; Đó là tiếng lòng của một nhà thơ yêu đời, tha thiết gắn bó với cuộc sống.

- Bài thơ được miêu tả với nhiều hình tượng đặc sắc, chi tiết tiêu biểu, gợi cảm, ngôn ngữ tinh tế, hàm súc.

**Tiết 87**

**CHIỀU TỐI**

***Hồ Chí Minh***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

Giúp HS:

* Cảm nhận tình yêu, sự gắn bó thiết tha của Người đối với những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống đời thường
* Hiểu được vẻ đẹp cổ điển và hiện đại của bài thơ.

**B .NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

**1/ Hoàn cảnh sáng tác**

- Thu 1942: Người sang Trung Quốc tranh thủ sự viện trợ của quốc tế thì bị bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ vô cớ.

- “Nhật ký trong tù” là tập thơ Người sáng tác trong hơn 1 năm bị giam tại đây.

- Bài thơ được sáng tác vào thu 1942, là bài thứ 31/134 bài của 1 tập thơ trên

**2/ Chủ đề tác phẩm:**

Chiều tối cho thấy tình yêu thiên nhiên cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.

**II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

**1/ Hai câu đầu: Cảnh thiên nhiên buổi chiều ta ở vùng rừng núi trên đường chuyển lao**:

“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

 Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không”

 *(Quyện điều qui lâm tầm túc thụ*

 *Cô vân mạn mạn độ thiên không)*

+ “Chim mỏi”: cánh chùn bay mỏi

+ “về rừng”: cảm giác mệt mỏi tan biến, thay vào đó là cảm giác đầm ấm sum họp.

+ “Chòm mây” (cô vân): lẻ loi, cô độc.

+ “trôi nhẹ”: bật lên cái ung dung thanh thản êm trôi của đám mây làm chủ bầu trời.

- Bút pháp cổ điển:

+ Lấy điểm vẽ diện: cánh chim, chòm mây gợi bầu trời mênh mông

+ Lấy động tả tĩnh: sự chuyển động nhẹ nhàng của làn mây và cánh chùn bay mỏi gợi sự tĩnh lặng ở miền sơn cước lúc chiều buông.

+ Cách cảm nhận thời gian: Chim bay về tổ báo hiệu thời gian của buổi chiều tối.

Ca dao: “Chim bay về núi tối rồi"

Trong Truyện Kiều: “Chim hôm thoi thóp về rừng”

Huy Cận: “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa”

- Hình ảnh thơ mang dáng dấp Đương thi:

+ Có cảnh chim bay về rừng tìm chốn ngủ (động từ “qui”: về, “tầm”: tìm)

+ Có chòm mây trôi ung đung, thanh thản, lơ lửng giữa tầng không (động từ “mạn mạn”: trôi nhẹ nhàng, chậm chạp)

→ Cảnh vật chiều buồn nhưng không ảm đạm mà nên thơ, thanh cao, khoáng đạt do cách nhìn và người ngắm cảnh có một tâm hồn thanh thản, phóng khoáng, cảm nhận tinh tế vẻ đẹp thiên nhiên.

⇒ Nghệ thuật mang nhiều nét cổ điển làm toát lên bức tranh thiên nhiên miền núi rất đỗi nên thơ, êm đềm. Tâm hồn người tù: Dù cô đơn nhưng lòng luôn hướng về sự sống, tình yêu thiết tha gắn bó, trân trọng của Người dành cho thiên nhiên.

**2/ Hai câu sau: Niềm say mê lao động của cô thôn nữ**

***a) Hình ảnh con người:***

*“Cô em xóm núi xay ngô tối*

 *Xay hết lò than đã rực hồng”*

 (Sơn thôn thiếu nử ma bao túc

 Bao túc ma hoàn lô dĩ hỗng)

- Hình tượng thơ vận động hướng về sự sống: Cảnh chiều chuyển sang buổi tối sinh động, ấm áp với sinh hoạt của con người, với âm thanh sinh động của cuộc sống, với vẻ bình dị, khỏe khoắn của cô gái trong lao động.

Cô gái xay ngô

Lò than rực hồng

- Nghệ thuật mang nhiều nét hiện đại:

+ Bút pháp tả thực: cô thôn nữ đang xay ngô bên bếp lửa hồng.

+ Điệp ngữ “ma bao túc - bao túc ma” + kết lại bằng chữ “hoàn” → gợi vòng quay uyển chuyển, đều đặn, liên tục của cối xay. Khi vòng quay vừa dứt thì bếp lò rực đỏ, hơi nóng tỏa vào đêm tối, ánh sáng bất chợt bừng lên, bao trùm toàn bộ không gian, thời gian của bài thơ, gieo một ấn tượng tin yêu, lạc quan nơi lòng người.

 → niềm say mê, sự miệt mài lao động đến quên cả thời gian.

- Tứ thơ kín đáo, ẩn trong từ “hồng” (là thi nhãn, nhãn tự của câu thơ, bài thơ).

+ Sắc hồng át đi cái mờ xám, mỏi mệt của cảnh chiều

+ Chiếu sáng hình ảnh con người lao động: khỏe mạnh, bình dị mà tuyệt đẹp.

+ Màu hồng lạc quan Cách mạng, màu của ấm áp tình người.

+ Ước mơ thầm kín của người tù về mái ấm gia đình

- Bố cục của bài thơ cũng chính là bố cục của bức tranh: hai câu đầu làm nền, hai câu sau miêu tả cận cảnh. Bức tranh vừa bao la mênh mông, vừa gần gũi ấm áp.

***b) Tâm hồn người tù:*** Yêu và thiết tha gắn bó với vẻ đẹp của cuộc sống đến quên cả mọi đớn đau trong cảnh lao tù, là niềm cảm thông, sẻ chia, sự nâng niu trân trọng đối với nỗi vất vả của người lao động sau một ngày dài vất vả.

⇒ Vẻ đẹp của con người trong lao động đã khơi dậy sức sống khoẻ khoắn và làm bừng sáng cho cả bức tranh. Con người trong lao động là vẻ đẹp trung tâm, là cái thần thái chân dung về vẻ đẹp cuộc sống giản dị đời thường.

**III. TỔNG KẾT:**

**1/ Nội dung:**

Bài thơ cho thấy tình yêu thiết tha đối với những vẻ đẹp bình dị của cuộc sống.

+ Niềm yêu mến, gắn bó, sự đồng cảm, sẻ chia đối với cảnh vật khi chiều về.

+ Niềm cảm động, hân hoan đến trào nước mắt trước niềm vui lao động bình dị của cô thôn nữ.

**2/ Nghệ thuật:**

Bài thơ có sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và hiện đại.

+ Cổ điển: Bút pháp tả cảnh để tả tình, sử dụng hình ảnh, từ ngữ

+ Hiện đại: Tinh thần hiện đại thể hiện ở tinh thần lạc quan cách mạng: luôn hướng về ánh sáng, về sự vận động phát triển.

Cụ thể:

+ Sự vận động của hình ảnh thơ:

 • Từ tĩnh sang động

 • Từ bóng tối ra ánh sáng

⇒ Quan điểm: con người luôn ở vị thế làm chủ hoàn cảnh, cải tạo hoàn cảnh.

**Tiết 88-89**

**TỪ ẤY**

 ***Tố Hữu***

**A - MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

Giúp HS:

* Thấy rõ niềm vui sướng say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lý tưởng cộng sản và tác dụng của lí tưởng đối với cuộc đời của nhà thơ.
* Hiểu được sự vận động của các yếu tố trong thơ trữ tình: tứ thơ, hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu... trong việc làm nổi bật tâm trạng của “cái tôi” nhà thơ.

**B. NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

**1/ Tác giả:**

- Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kiến Thành, sinh tại Thừa Thiên Huế, trong một gia đình nhà Nho nghèo.

- 1938 được kết nạp Đảng. Giác ngộ CM trong thời kì “Mặt trận dân chủ” ở Huế.

- Những bài thơ đầu tiên được sáng tác từ những năm 1937-1938. Đến tháng 4/1939 thì bị Pháp bắt giữ ở các nhà lao Miền Trung - Tây Nguyên. Năm 1942 vượt ngục Đắclay, tiếp tục hoạt động bí mật đến 1945, sau đó được giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng.

- Tác phẩm tiêu biểu: Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn… ông được giải nhất VH hội nhà văn VN 1954-1955, giải thưởng HCM về VHNT 1996, 1999

**2/ Tác phẩm “Từ ấy”:**

***a) Xuất xứ:***

- “Từ ấy” là tập thơ gồm 3 phần: Máu lửa, Xiềng xích, Giải phóng

- Bài thơ “Từ ấy” trích trong phần “Máu lửa”, viết 1938.

***b) Hoàn cảnh sáng tác:***

Ngày được đứng vào hàng ngũ của Đảng, của những người cùng phấn đấu vì lí tưởng cao đẹp là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời Tố Hữu, ghi nhận lại kỉ niệm đáng nhớ ấy với những cảm xúc, suy tư sâu sắc. Năm 1938 Tố Hữu viết “Từ ấy”.

***c) Giá trị:***

- “Từ ấy” là một tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ Tố Hữu nói riêng và thơ CM 1930-1945 nói chung

- “Từ ấy” được sáng tác bằng hình thức thơ mới, là một thành công xuất sắc của TH cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật.

***d) Nội dung chủ đề:***

- Bài thơ thể hiện trạng thái hưng phấn, sung sướng khi tiếp thu ánh sáng mặt trời chân lí, là lời tự nguyện của 1 thanh niên yêu nước giác ngộ lí tưởng CM gắn bó với quần chúng, đấu tranh cho những người lao khổ.

- Bài thơ dùng hình thức thơ mới, dùng nhiều hình ảnh tượng trưng của thiên nhiên để thể hiện niềm vui sướng, bừng ngộ khi tiếp cận ánh sáng chân lí CM.

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**1/ Khổ thơ đầu: Niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng:**

- “Từ ấy” là cái mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đáng ghi đáng nhớ của người thanh niên giác ngộ lí tưởng; là sự đánh dấu một cuộc đổi đời, cao hơn là sự hồi sinh của một con người khi nhận ra ánh sáng của lí tưởng cộng sản.

- Hình ảnh thơ giàu tính hình tượng “bừng nắng hạ” → thứ ánh nắng sáng tươi, rực rỡ chiếu soi khắp nơi đặc biệt là soi sáng cả những ngõ ngách sâu kín nhất của tâm hồn, trí tuệ, nhận thức của con người.

- Hình nh ảnh ẩn dụ “mặt trời chân lí” → lí tưởng Đảng, nó có sức mạnh cảm hóa, lay động và thức tỉnh nhà thơ.

- Hình ảnh so sánh “hồn tôi - một vườn hoa lá” - “rất đậm hương và rộn tiếng chim” → cuộc sống trong sáng, hồn nhiên, một sức sống sinh sôi dào đạt → cuộc sống mới tươi vui, rộn rã tràn đầy màu sắc, âm thanh và mùi vị được cất lên như một tiếng ca vui, một lời reo mừng phấn khởi trước nguồn sáng vĩ đại của Cách mạng làm bừng sáng cả trí tuệ và trái tim nhà thơ.

- Những tính từ chỉ mức độ cao “bừng, chói, rất đậm, rộn” → sự say mê, ngây ngất của người chiến sĩ cộng sản khi bước theo ánh sáng lí tưởng đời mình.

⇒ Câu thơ nối đòng, cách so sánh giản dị, biện pháp ẩn dụ, giọng thơ sôi nổi rộn ràng + bút pháp tự sự, kể lại kỉ niệm → tâm trạng lạc quan tin tưởng trước quyết định đúng đắn của đời mình.

**2/ Khổ thơ thứ hai: Những nhận thức mới về lẽ sống, về con đường CM mình đã chọn**

- Từ “buộc “: thái độ chủ động. tự nguyện dấn thân, đòi hỏi sự cố gắng nhất định → Sự gắn bó hài hoà giữa “cái tôi” cá nhân và “cái ta” chung của mọi người.

- Liên từ “với” gặp nhiều lần + những cặp từ liên tiếp “lòng tôi - mọi người, tình trang trải - trăm nơi, hồn tôi - hồn khổ” → mối dây ràng buộc với mọi người, thiết lập tình yêu thương gắn kết giữa người và người, là sự cảm thông chia sẻ trước nỗi đau, vui buồn của bao kiếp người, đặc biệt là quần chúng lao khổ.

- Điệp từ “để” + những từ láy “trang trải”, “gần gũi” → từ nhận thức giác ngộ lí tưởng → niềm vui, từ tình cảm yêu thương → sức mạnh

→ Đó là thái độ của người thanh niên đầy nhiệt huyết quyết tâm hành động vì lí tưởng.

⇒ Người thanh niên TH đã quên mình để đi sâu vào quần chúng với tấm lòng rất chân thành và thái độ hoàn toàn tự nguyện. Người CS trẻ đã trưởng thành, Đảng ngày càng vững mạnh, CM ngày càng tiến tới.

**3/ Khổ thơ cuối: Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của TH - Quan niệm về lí tưởng cộng sản**

- “Tôi đã”: sự thật hiển nhiên.

- Điệp từ “là” (là con... là em..., là anh) là lời khẳng định chắc nịch, rắn rỏi, dứt khoát cho sự hòa nhập tuyệt đối, khẳng định ý chí CM, khẳng định mình là thành viên ruột thịt trong đại gia đình quần chúng.

- Số từ ước lệ “vạn” lặp lại + nhịp thơ hăm hở, náo nức dồn đập diễn tả thật tài tình sự tăng tiến về tình cảm → Tư tưởng nhân đạo (đồng cảm xót thương xúc động chân thành, căm phẫn trước bao cảnh bất công ngang trái của cuộc đời cũ) + Tin tưởng tuyệt đối vào con đường mình đã chọn, thái độ quyết tâm dứt khoát.

⇒ Tình cảm cá nhân của người thanh niên CS đã chan hòa vào tình cảm rộng lớn của vạn vạn người. Tâm hồn tác giả muốn mở ra tung trải mênh mông để ôm trùm tất cả, gắn bó tất cả.

**III. TỔNG KẾT:**

- Bài thơ “Từ ấy” là bản tuyên ngôn về quan điểm nhận thức và sáng tác của TH.

- Với “Từ ấy”, TH đã mang đến cho thơ ca VN 1 giọng thơ mới trẻ trung đầy niềm tin CM. Tác phẩm giúp thế hệ sau có cơ hội hiểu rõ hơn về thời kì nhận đường, thời kì đấu tranh gian khổ nhưng đầy tự hào của dân tộc.

**Tiết 90**

**TIỂU SỬ TÓM TẮT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

Giúp HS:

* Nắm được mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt.
* Biết cách thức viết tiểu sử tóm tắt

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

1/ Mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt

*a) Mục đích:*

- Để người đọc, người nghe hiểu được cuộc đời, sự nghiệp, cống hiến của người được tóm tắt tiểu sử (nhà hoạt động chính trị, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, cán bộ, giáo viên...). Sự hiểu biết đó sẽ:

+ Giúp lãnh đạo sử dụng con người

+ Lựa chọn bạn bè

+ Với nhà thơ, nhà văn có dịp hiểu sâu sáng tác

- Thông tin khách quan, chính xác về người được tóm tắt tiểu sử

*b) Yêu cầu:*

- Nội dung, độ dài văn bản cần phù hợp với mục đích viết tiểu sử tóm tắt

- Văn phong cô đọng, trong sáng, rõ ràng không dùng biện pháp tu từ, phương thức trình bày chủ yếu là thuyết minh.

2/ Cách viết tiểu sử tóm tắt

- Cần tập trung các nội dung cơ bản sau: tiểu sử tóm tắt dựa vào:

+ Nguồn gốc:

* Họ và tên thường dùng - Bí danh (nếu có)
* Năm sinh
* Quê quán
* Gia đình
* Sở thích
* Năng lực đặc biệt

+ Quá trình trưởng thành

* Tháng, năm sinh sống, hoạt động, địa điểm, thời gian
* Thành tích nổi bật
* Vị trí

+ Sự nghiệp văn học (đối với nhà thơ, nhà văn)

* Tác phẩm chính
* Nội dung, nghệ thuật
* Vai trò nhà văn, nhà thơ trong nền văn học dân tộc

 *- Các bước chuẩn bị để viết tiểu sử:*

+Tìm hiểu đối tượng viết (ai?)

+Sưu tầm các nguồn tài liệu để thu thập các thông tin cần thiết

+Xác định nội dung cơ bản cần tóm tắt

*\****Ghi nhớ SGK**

**\* Điểm khác nhau giữa tiểu sử tóm tắt với:**

- Văn bản thuyết minh là thuyết minh phải đầy đủ >< Tiểu sử tóm tắt chỉ dẫn những gì cơ bản, tiêu biểu nhất.

- Điếu văn: có đủ 4 phần (Lung khởi, thích thực, ai vãn, kết) >< Tiểu sử tóm tắt không quy định 4 phần cụ thể.

- Sơ yếu lý lịch: trình bày những phần lí lịch bản thân, gia đình, thái đợ chính trị là cơ bản >< Tiểu sử tóm tắt lựa chọn những phần cơ bản trong những mục đó.

**II. LUYỆN TẬP:**

Câu 1:

Câu 2:

Câu 3:

Viết tiểu sử tóm tắt về Nam Cao